

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2021.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Nga.

2. Ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Phòng số 2 – Nhà trọ quây thuốc tây M, tổ 6, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Chị P, anh T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2011, quyển số 01/2011, ngày 08/4/2011. Vợ chồng

chung sống hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình, có lúc đánh đập chị. Chị và anh T cũng đã nhiều lần ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị phải chuyển ra ngoài ở riêng và vợ chồng hiện nay đã sống ly thân. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị P Tr, sinh ngày 06/10/2013. Ly hôn chị yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Kiều P tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau từ năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đ. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi vã, xung đột. Chị P bỏ đi từ đầu tháng 01/2021 và vợ chồng anh sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay vợ chồng anh không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau, không còn khả năng hàn gắn. Chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là Nguyễn Thị P Tr, sinh ngày 06/10/2013. Hiện nay cháu Tr đang sống chung với chị P, ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị P Tr, sinh ngày 06/10/2013. Giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn T cư trú tại huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị P và bị đơn anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đ vào ngày 08/4/2011, đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn, trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, hôn nhân giữa chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị P có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T xảy ra từ khoảng đầu năm 2013 đến nay. Chị P cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột; anh T không chăm lo cuộc sống gia đình, có lúc đánh đập chị, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Giữa hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Qua trình giải quyết anh T thừa nhận vợ chồng anh đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, chị P xin ly hôn thì anh đồng ý.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau,

nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P, chị P được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị P Tr, sinh ngày 06/10/2013.

Xét thấy, chị P và anh T đều thống nhất giao cháu Tr cho chị P nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên vọng của cháu Tr là muốn được tiếp tục ở với chị P. Đồng thời, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện, chị P hiện nay có việc làm, có thu nhập ổn định để có thể đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị P phải nộp 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89; Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Nguyễn Thị Kiều P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều P được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị P Tr, sinh ngày 06/10/2013 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004829 ngày 13/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Trị An;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại